TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26/8/2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước Tường;

Ông Bùi Văn Màu.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Luân– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 368/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Huyền A, sinh năm: 1991; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 16/1 N, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh A.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1987; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Ti.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Huyền A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Q chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 25/3/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Q thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn và không quan tâm vợ con. Chị và anh Q đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Phúc N, sinh ngày 25/5/2015, hiện con chung đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu N, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Q dù được tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị Huyền A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q dù được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Huyền A và anh Q.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, chị Huyền A yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và nuôi con với anh Q nên đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh Q có nơi cư trú tại huyện Cái Bè nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Huyền A và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 25/3/2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị Huyền A cho rằng chị và anh Q chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Q thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn và không quan tâm vợ con. Chị và anh Q đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, chị Huyền A cương quyết xin ly hôn, còn anh Q thì không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng không có ý kiến gì về việc chị Huyền A xin ly hôn với anh. Từ đó cho thấy anh Q đã không yêu thương, quan tâm và không có ý định hàn gắn tình cảm cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huyền A.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Phúc N, sinh ngày 25/5/2015, hiện con chung đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu N. Xét thấy, sau khi ly thân chị Huyền A là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung khỏe mạnh và ổn định cho đến nay. Ngoài ra cháu N cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ, vì vậy việc giao con chung cho chị Huyền A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu.

Anh Nguyễn Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Huyền A không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huyền A trình bày không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, anh Q không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Huyền A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Huyền A.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Huyền A được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Phúc N, sinh ngày 25/5/2015 cho chị Bùi Thị Huyền A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị Huyền A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị Huyền A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015558 ngày 27/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị Huyền A đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bùi Thị Huyền A, bị đơn anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Ủy ban nhân dân phường Mỹ Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh